

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Bùi Thu Hương – Thành viên tổ CGXDKH&LCNT. Số điện thoại: 0986.158.999. Email tiếp nhận báo giá: dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: Văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về Tổ CGXDKH&LCNT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: 01 bản scan và 01 bản excel gửi về email dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá:

- Từ 09h00 ngày 11/3/2025 đến trước 9h00 phút ngày 24/03/2025.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24/03/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, hóa chất (Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Đề nghị Quý nhà thầu quan tâm, ghi cụ thể thời gian cung cấp được hàng hoá, vật tư sinh phẩm... sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa bao nhiêu ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Bên mua thanh toán một lần 100% hoặc theo từng đợt gọi hàng giá trị thực hiện hợp đồng cho bên bán sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

Vũ Quyết Thắng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số: 416/TTKSBT- TCGXHKH&LCNT ngày 11/03/2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

Lưu ý: Quý nhà thầu quan tâm cung cấp báo giá không được xoá cột mã của hàng hoá

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
A18	1	Cồn y tế	Hàm lượng ethanol 90%. Dạng lỏng, không màu, trong suốt dễ bay hơi. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001	Lít	Lít	5
A19	2	Hóa chất chẩn đoán in-vitro sử dụng cho hệ thống Elisa(giun lươn)	<p>1. Độ nhạy: 100%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Strongyloides Positive control (Chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thỏ dương tính đã pha loãng. Negativecontrol (Chứng âm): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11ml liên hợp Protein-A với peroxidase Strongyloides plate 96 well plate(Dây giếng/Đĩa 96 giếng): Khay vi giếng chứa kháng nguyên Strongyloides L3 – 96 giếng thử trong một khung giữ. Dilution buffer (Đệm pha loãng): Hai (2) chai chứa 30ml dung dịch đệm protein Wash Buffer (20X) (1 bottle) (Dung dịch rửa đậm đặc (20X)): Một (2) lọ chứa 25ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (Cơ chất): Một (1) chứa 11ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB) Stop Solution</p> <p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng</p> <p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22
A20	3	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng sán lá phổi Paragonimus sp	<p>1. Độ nhạy: 95%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Paragonimus IgG Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thỏ dương tính đã được pha loãng. Negative control (chứng âm): Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. Paragonimus plate 96 well plate (Đai vi giếng): Vi khuẩn có chứa kháng nguyên Paragonimus - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa đai vi giếng. Dilution buffer (Bộ đệm pha loãng): Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. Wash Buffer (20X) (2 bottle) (Dung dịch rửa đậm đặc (20X)): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (Chromogen): Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			<p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 4 giếng</p> <p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>			
A21	4	Hóa chất xét nghiệm sán lá gan bé	<p>1. Độ nhạy: 100%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 92%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Clonorchis IgG Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thô dương tính đã được pha loãng. Negative control (Chứng âm): Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. Clonorchis plate 96 well plate (Dãi vi giếng): Vi giếng có chứa kháng nguyên Clonorchis SEP - 96 giếng xét nghiệm trong khay chứa dãi vi giếng. Dilution buffer (Dung dịch đệm pha loãng): Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. Wash Buffer (20X) (2 bottle) (Đệm rửa đậm đặc (20X)): Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (Chromogen): Một (1) chai chứa 11 ml sắc tố tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) bình chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 50 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 4 giếng</p> <p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22
A22	5	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn Fasciola sp	<p>1. Độ nhạy: 100%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 100%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Fasciola Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thô dương tính đã pha loãng. Negative control (chứng âm): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người âm tính đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11ml liên hợp Protein-A với peroxidase Fasciola plate 96 well plate (dãy giếng): Khay vi giếng chứa kháng nguyên Fasciola – 96 giếng xét nghiệm trong một khung giữ</p> <p>Dilution buffer (dung dịch đệm pha loãng): Hai (2) chai chứa 30ml dung dịch đệm protein</p> <p>Wash Buffer (20X) (1 bottle) (dung dịch rửa đậm đặc (20X)): Một (2) lọ chứa 25ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt.</p> <p>TMB Substrate Solution (chất tạo màu): Một (1) chứa 11ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) chai chứa 11ml acid phosphoric 1M</p> <p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			<p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.09 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>			
A23	6	Hóa chất chẩn đoán in-vitro sử dụng cho hệ thống Elisa(sản dây lọn)	<p>1. Độ nhạy: 88%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 96%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Cysticercosis Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thô dương tính đã pha loãng. Negative control (chứng âm) Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11ml liên hợp Protein-A với peroxidase. Cysticercosis plate 96 well plate (dây giếng): Vi giếng chứa kháng nguyên T. solium - 96 vi giếng trong một khung giữ. Dilution buffer (đệm pha loãng): Hai (2) chai chứa 30ml dung dịch đệm protein. Wash Buffer (20X) (1 bottle) (dung dịch rửa đậm đặc): Một (1) lọ chứa 25ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (cơ chất): Một (1) chai chứa 11ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) chai chứa 11ml acid phosphoric 1M.</p> <p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng</p> <p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.3 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD</p> <p>8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22
A24	7	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đũa chó Toxocara canis	<p>1. Độ nhạy: 87.5%</p> <p>2. Độ đặc hiệu: 93.3%</p> <p>3. Thành phần thuốc thử: Toxocara IgG Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thô dương tính đã pha loãng. Negative control (chứng âm): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. Toxocara IgG plate 96 well plate (dây giếng): Vi giếng chứa kháng nguyên Toxocara bài tiết- 96 vi giếng trong một khung giữ. Dilution buffer (dung dịch pha loãng): Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm. Wash Buffer (20X) (1 bottle) (Dung dịch đệm rửa đậm đặc (20X)): Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (cơ chất): Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>4. Tỷ lệ pha loãng: 1:100, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng</p> <p>5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng</p> <p>6. Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương</p> <p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.3 đơn vị OD</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			<p>Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD 8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>			
A25	8	Hóa chất chẩn đoán in-vitro sử dụng cho hệ thống Elisa(giun xoắn)	<p>1. Độ nhạy: 100% 2. Độ đặc hiệu: 100% 3. Thành phần thuốc thử: Trichinella spiralis Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thô dương tính đã pha loãng. Negative control (chứng âm): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người đã pha loãng. Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. Trichinella spiralis plate 96 well plate (dây giếng): Vi giếng chứa kháng nguyên Trichinella ES - 96 vi giếng trong một khung giữ Dilution buffer (dung dịch pha loãng): Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đậm. Wash Buffer (20X) (1 bottle) (Dung dịch đệm rửa đậm đặc (20X)): Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (cơ chất): Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M. 4. Tỷ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng 5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng 6. Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương 7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD 8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22
A26	9	Hóa chất chẩn đoán in-vitro sử dụng cho hệ thống Elisa(Sán dây chó)	<p>1. Độ nhạy: 97.9% 2. Độ đặc hiệu: 91.7% 3. Thành phần thuốc thử: Echinococcus Positive control (chứng dương): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh thô dương tính đã pha loãng Negative control (chứng âm): Một (1) lọ chứa 1ml huyết thanh người đã pha loãng Protein-A HRP Conjugate (Enzyme liên hợp): Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase. Echinococcus plate ≥ 96 well plate (dây giếng): Vi giếng chứa kháng nguyên Echinococcus - 96 vi giếng trong một khung giữ Dilution buffer (dung dịch pha loãng): Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đậm Wash Buffer (20X) (1 bottle) (dung dịch đệm rửa đậm đặc (20X)): Một (1) chai chứa 25 ml dung dịch đệm đậm đặc và chất hoạt động bề mặt. TMB Substrate Solution (cơ chất): Một (1) chai chứa 11 ml cơ chất Tetramethylbenzidine (TMB). Stop Solution (dung dịch dừng): Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M 4. Tỷ lệ pha loãng: 1:64, Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng 5. Số lượng giếng dùng/mẫu XN: 3 giếng 6. Mẫu phân tích: huyết thanh</p>	Hộp (96 test/Hộp)	Hộp	22

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			<p>7. Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.3 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD 8. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 12 tháng</p>			
A27	10	Giấy thấm vuông to bản	Giấy thấm vuông to bản kích thước 33 x 33cm	Bịch (100 tờ/Bịch)	Bịch	200
A28	11	Bộ Vật tư xét nghiệm Kato Katz	Mỗi hộp 500 test cung cấp bao gồm: Hydrophilic cellophane: 500 cái Applicator sticks: 500 cái Template, calibrated to 41.7 mg: 500 cái Nylon screen: 500 cái	Hộp (500 test/hộp)	Bộ	5
A29	12	Lọ đựng mẫu	Lọ bằng nhựa dung tích 60ml, có nắp.	Cái (10 cái/túi)	Cái	2000
A30	13	Găng tay không bột chưa tiệt trùng dùng trong y tế	Găng tay y tế không bột (Polymer 2 mặt) Sản xuất từ cao su thiên nhiên trên dây truyền đạt tiêu chuẩn ISO9001:2008	Đôi (Hộp 50 đôi)	Đôi	600

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
A31	14	Bơm tiêm đầu thẳng gắn sẵn kim	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml; cỡ kim 25G x 1". Vỏ xy lanh và pitton làm bằng nhựa y tế không chứa DEHP. Kim tiêm làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát. Đốc kim làm bằng chất dẻo. Không độc, không có chất gây sốt. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, TCVN 5903)	Cái	Cái	2000
A32	15	Ống nghiệm nhựa PP 5ml	Kích thước 12 x 75 (mm), nhựa PP trắng, không nắp, không nhãn, dung tích 5 ml.	Ống	Ống	2000
A33	16	Lam kính	Lam kính kích thước khoảng 25 x 75 mm	Hộp (Hộp 72 cái)	Hộp	40
A34	17	Ống nghiệm chân không EDTAK2 loại 2.0ml	Ống nghiệm chân không EDTAK2 Ống nghiệm chân không EDTAK2 loại 2.0ml Vỏ trong suốt. Dùng một lần. Ống nghiệm EDTA K2 màu tím, ống nhựa kích thước 13x75 mm, chất liệu ống nghiệm bằng nhựa PET, thân ống màu trắng trong suốt, nắp cao su bọc nhựa màu tím, trong ống chứa dung dịch DikaliEDTA không màu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485.	Khay (100 ống/ khay)	Khay	200
A35	18	Bông y tế viên	Bông y tế viên (Ø30mm) tiệt trùng - 1kg Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên. Kích thước Ø30mm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O.Gas	Kg (1kg/ gói)	Kg	2
A36	19	Đầu tuýp có lọc 1000 ul	Đầu tuýp có lọc 1000 µl. Đặc trưng: - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 1000µl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp (8x96 chiếc/Hộp)	Hộp	30
A37	20	Đầu tuýp có lọc 200 ul	Đầu tuýp có lọc 200 µl: Đặc trưng: - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 200µl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp (10x96 chiếc/Hộp)	Hộp	30
A38	21	Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người	Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.75%. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút - Nằm trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp 100 test	Test	200
A39	22	Kit thử nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ	Hộp 40 test	Test	200

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016			
A40	23	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Được phê duyệt bởi WHO và nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.	Hộp 30 test	Test	300
A41	24	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện sớm giai đoạn chuyển đổi huyết thanh với HIV tuýp1 (HIV1, HIV1 nhóm O) và phát hiện kháng thể kháng HIV2	Phát hiện kháng thể HIV- 1 (nhóm O), kháng thể HIV-2 và kháng nguyên HIV p24 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 99.78%. - Thích hợp rửa trên máy rửa tự động. - Nằm trong khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 96 test	Test	768
A42	25	Găng tay không bột chưa tiết trùng dùng trong y tế	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiết trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, chiều dài 220mm-240mm (theo size)	Hộp 50 đôi	Đôi	500
A43	26	Đầu côn lọc 200ul	Đặc trưng: - 100% nhựa PP nguyên chất, độ trong suốt cao; - Vô trùng, không chứa Dnase & RNase, không gây sốt; - Thể tích hút mẫu tối đa 200µl - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp 96 chiếc	Hộp	30
A44	27	Đầu côn lọc 1000 µl	Đặc trưng: - 100% nhựa PP nguyên chất, độ trong suốt cao; - Vô trùng, không chứa Dnase & RNase, không gây sốt; - Thể tích hút mẫu tối đa 1000µl - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp 96 chiếc	Hộp	23
A45	28	Thạch XN coliform, ecoli bằng phương pháp lọc(Coliform Agar for microbiology Chromocult®)	Thông số KT: Môi trường hiện màu Chromocult, đạt ISO 9308-1 Độ hòa tan: 26.5 g/l Quy cách đóng gói: 500g/chai	500G/chai	Chai	1
A46	29	Thuốc thử Bactident Oxidase	N,N,N',N'-Tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride	Chai/ (5g/chai)	Chai	1
A47	30	Môi trường Pepton đệm (Buffered Peptone Water)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone 10.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Disodium phosphate 3.5 g/l Potassium dihydrogen phosphate 1.5 g/l pH 7.2 ± 0.2 ở 25°C	Chai/ (500g/chai)	Chai	1
A48	31	Môi trường Peptone from casein (Tryptone)	Thành phần Peptone từ casein (tryptone) Thành phần công thức: Total Nitrogen 13.3% Amino Nitrogen 3.7% Sodium chloride 0.4% pH (2% solution) 7.3 ± 0.2 Bảo quản: 10-30oC với dạng bột	Chai/ (500g/chai)	Chai	1
A49	32	Thạch SS agar	Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 5.0 g/L	Chai/ (500g/chai)	Chai	1

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			Peptone 5.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 8.5 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Sodium thiosulphate 8.5 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Brilliant green 0.00033 g/L Neutral red 0.025 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.0 ± 0.2 ở 25°C			
A50	33	Thạch Nutrient agar	Môi trường thành phần tổng hợp: 'Lab-Lemco' powder 1.0 g/L Yeast extract 2.0 g/L Peptone 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/ chai)	Chai	1
A51	34	Thạch Baird-Parker base	Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 10.0 g/L 'Lab-Lemco' powder 5.0 g/L Yeast extract 1.0 g/L Sodium pyruvate 10.0 g/L Glycine 12.0 g/L Lithium chloride 5.0 g/L Agar 20.0 g/L pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/ chai)	Chai	1
A52	35	Lòng đỏ trứng có Tellurite (Egg yolk tellurite emulsion)	Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 200 ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l	Chai/(100ml/ chai)	Chai	1
A53	36	Thuốc thử coagulase (Bactident® Coagulase Rabbit plasma with EDTA, lyophilized)	Huyết tương thô được sử dụng để phát hiện enzyme coagulase của vi khuẩn tụ cầu, nhận biết bằng hiện tượng tạo kết tủa	Hộp/chai (15mL/hộp/ chai)	Chai	1
A54	37	Máu Cừu khử sợi huyết (Sheep Blood Defibrinated)	Máu cừu đã được tách sợi huyết Đã được kiểm tra vô khuẩn. Tỷ lệ hồng cầu cừu: 50-60%	Chai/ (100mL/ chai)	Bịch/Chai	6
A55	38	Canh thang Brila BRILA (Brilliant-green bile Lactose) broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Ox bile (purified) 20.0 g/L Brilliant green 0.0133 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	Chai/ (500g/chai)	Chai	1
A56	39	Thạch TCBS	Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 5.0 g/L Bacteriological peptone 10.0 g/L Sodium thiosulphate 10.0 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Ox Bile 8.0 g/L Sucrose 20.0 g/L Sodium chloride 10.0 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Bromothymol blue 0.04 g/L Thymol blue 0.04 g/L Agar 14.0 g/L pH 8.6 ± 0.2 ở 25°C	Chai/ (500g/chai)	Chai	1
A57	40	Thạch King's B(King's B agar base)	Thành phần Proteose peptone 20.0; magnesium sulfate 1.5; tri-potassium phosphate 3-hydrate 1.8; agar-agar 10.0. 500g/chai	500G/chai	Chai	1
A58	41	Canh thang Acetamid(Acetamid broth)	Môi trường nuôi cấy PH: 7,0 ± 0,5 (H ₂ O, 25 °C)	500G/chai	Chai	1

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			Bảo quản: +15°C to +25°C. Quy cách đóng gói: 500g/chai			
A59	42	Màng lọc 0.45µm (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm Quy cách đóng gói: 200 cái/ Hộp	100cái/hộp	Hộp	5
A60	43	Màng lọc 0.20µm (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø 47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.22 µm Quy cách đóng gói: 100 cái/ Hộp	100cái/hộp	Hộp	2
A61	44	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn (Gồm 4 ống: KIA, Mannit di động, Ure-indole; LDC)	Gồm 4 ống: Kliggler Iron Agar (KIA), Mannitol Salt Agar (Manit di động), Motility Indole Urease (Ure-indole); Lysin decarboxylase(LDC)	Bộ/(4 ống/bộ)	Bộ	100
A62	45	Môi trường bổ sung Pseudomonas CN Selective supplement	Thành phần mỗi vial gồm Cetrimide 0.1g; Nalidixic acid 0.0075 Quy cách đóng gói: Hộp 10 vial	10 vials/hộp	Hộp	1
A63	46	Canh thang BHI Brain-heart infusion broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Brain infusion solids 12.5 g/L Beef heart infusion solids 5.0 g/L Proteose peptone 10.0 g/L Glucose 2.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Disodium phosphate 2.5 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/chai)	Chai	1
A64	47	Thuốc thử Nessler	Công thức hóa học là K ₂ HgI ₄ Khối lượng riêng: 1,16 g/cm ³ ở 20 °C Giá trị pH (20 °C): có tính kiềm mạnh	Chai (500ml/chai)	Chai	1
A65	48	Thạch XLD (Xylose Lysine Deoxycholate) agar	Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 3.0 g/L L-Lysine HCl 5.0 g/L Xylose 3.75 g/L Lactose 7.5 g/L Sucrose 7.5 g/L Sodium desoxycholate 1.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Sodium thiosulphate 6.8 g/L Ferric ammonium citrate 0.8 g/L Phenol red 0.08 g/L Agar 12.5 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/chai)	Chai	1
A66	49	Hoá chất Sodium hydrogen selenite	Công thức tuyến tính: NaHSeO ₃ Sử dụng bổ sung vào thành phần môi trường Selenite Broth Base, Mannitol Selenite Broth Base, hoặc Selenite Cystine Broth Base trong thử nghiệm nuôi cấy vi khuẩn Salmonella	Chai/(100g/chai)	Chai	1
A67	50	Canh thang MKTTN MULLER-KAUFFMANN TETRATHIONATE-NOVOBIOCIN BROTH (MKTTn) base	Môi trường thành phần tổng hợp: Meat extract 4.3 g/L Enzymatic digest of casein 8.6 g/L Sodium chloride 2.6 g/L Calcium carbonate 38.7 g/L Sodium thiosulphate (anhydrous) 30.5 g/L Ox bile 4.78 g/L Brilliant green 0.0096 g/L pH 8.0 ± 0.2 ở 25°C Tỷ lệ bổ sung selective supplement cho 1 lit môi trường: 4 vials Novobiocin 10mg. Bộ sản phẩm cung cấp tiêu chuẩn gồm: 1 chai MKTTn	Chai/(500g/chai)	Chai	1

Mã	STT	Tên hàng hóa	Nội dung (Thông số kỹ thuật)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
			Broth Base (ISO) 500g + 30 vials Novobiocin 10mg Đóng gói: 500G/chai			
A68	51	Hoá chất Potassium Iodide	Độ tan: ca.1.430 g/l at 25 °C Giá trị pH (20 °C): ca.6,9 at 50 g/l at 20 °C	Chai (500g/chai)	Chai	1
A69	52	Hoá chất Iodine	Độ tan: 0.3 g/l Giá trị pH : 5.4	Chai (500g/chai)	Chai	1
A70	53	Canh thang RVS RAPPAPORT-VASSILIADIS-Soya broth (base)	Môi trường thành phần tổng hợp: Soya peptone 5.0 g/1110ml Sodium chloride 8.0 g/1110ml Potassium dihydrogen phosphate 1.6 g/1110ml Magnesium chloride 6H2O 40.0 g/1110ml Malachite green 0.04 g/1110ml pH 5.2 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/ chai)	Chai	1
A71	54	Canh thang Lauryl Sulfate Broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptose 20.0 g/L Lactose 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 2.75 g/L Potassium dihydrogen phosphate 2.75 g/L Sodium lauryl sulphate 0.1 g/L pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	Chai/(500g/ chai)	Chai	1

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số: 416 /TTKSBT- TCGXHKH&LCNT ngày 11/03/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Mã	STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tiêu chuẩn kỹ thuật do nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Giá kê khai	Giá niêm yết	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
B001	1	Thiết bị A												
B002	2	Thiết bị B												
...	n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm..... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.